

Đơn vị: **Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình**  
Chương: **423**

**Biểu số 02**  
(Ban hành theo Thông tư  
90/2018/TT-BTC ngày  
28/9/2018)

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số        /QĐ-BVĐK ngày        /        /2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình )  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: đồng

| Số TT     | Nội dung                                                                    | Dự toán được giao |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu - chi sự nghiệp tại đơn vị</b>                               |                   |
| <b>1</b>  | <b>Số thu sự nghiệp</b>                                                     | <b>-</b>          |
| 1.1       | Thu giá viện phí                                                            |                   |
|           | Thu từ BHYT                                                                 |                   |
|           | Thu trực tiếp từ bệnh nhân                                                  |                   |
| 1.2       | Thu khác                                                                    |                   |
|           | Nhà thuốc                                                                   |                   |
|           | Thu hoạt động khác                                                          |                   |
| <b>2</b>  | <b>Chi từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị</b>                                | <b>-</b>          |
| 2.1       | Chi sự nghiệp y tế                                                          |                   |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                              |                   |
| b         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                        |                   |
| 2.2       | Chi quản lý hành chính                                                      |                   |
| a         | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                            |                   |
| b         | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                      |                   |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                       | <b>63,100,000</b> |
| <b>2</b>  | <b>Chi từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị</b>                                | <b>63,100,000</b> |
| 2.1       | Chi sự nghiệp y tế                                                          | 63,100,000        |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ, trong đó                  | 63,100,000        |
|           | Kinh phí trợ cấp thường xuyên cán bộ lão thành cách mạng bị bệnh hiểm nghèo | 63,100,000        |
| b         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                        |                   |